

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19-9-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Khanh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Ngọc Khánh và ông Y Dhiệu Hmok.
 - **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.
 - **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Từ Quốc Quyền - Kiểm sát viên.
- Ngày 19/9/2022, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2022/TLST-HNGĐ ngày 27/6/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/8/2022, giữa các đương sự:
- Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Mỹ Th, sinh năm 1994 – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Địa chỉ:* Tổ dân phố X, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk
- Bị đơn:* Anh Lê Văn H, sinh năm 1991 – Vắng mặt
- Địa chỉ:* Số Y, phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ Th trình bày có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân, chị và anh Lê Văn H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk ngày 17/4/2018 trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian, thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến xung đột nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hiện tại, vợ chồng chị đã sống ly thân. Nay chị nhận thấy không thể tiếp tục sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị có 01 người con chung là cháu Lê Vĩnh Kh, sinh ngày 25/4/2018. Khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao cháu

Kh cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị Th và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29/6/2022, bị đơn anh Lê Văn H trình bày: Anh đồng ý toàn bộ ý kiến của chị Th.

Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Th, do mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn.

Về con chung: Anh đồng ý giao cháu Lê Vĩnh Kh, sinh ngày 25/4/2018 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh và chị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh và chị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ Th về quan hệ hôn nhân, về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 16/6/2022, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và đơn trình bày ý kiến về việc không lựa chọn hòa giải, không lựa chọn hòa giải viên, ngày 20/6/2022 Tòa án thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, ngày 27/6/2022 nguyên đơn nộp biên lai thu tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý vụ án là đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về trình tự thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về yêu cầu của đương sự:*

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk ngày 17/4/2018. Sau khi kết hôn chị Th và anh H sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, do bất đồng quan điểm sống, hiện nay chị Th và anh H đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Kết quả xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị Th và anh H thì địa phương xác định: Về tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh H có mâu thuẫn cụ thể như thế nào địa phương không nắm được nhưng hiện tại vợ chồng chị Th và anh H đã sống ly thân.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả chị Th và anh H cùng có ý kiến đồng ý ly hôn nên giải quyết cho chị Th ly hôn anh H là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Th và anh H có 01 người con chung là cháu Lê Vĩnh Kh, sinh ngày 25/4/2018; chị Th yêu cầu giao cháu Kh cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên và được anh H đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, giao cho cháu Kh cho chị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi thành niên là phù hợp Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Th và anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th và anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 144; Điều 147; Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Mỹ Th được ly hôn với anh Lê Văn H
2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Vĩnh Kh, sinh ngày 25/4/2018 cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Th và anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th và anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0018108 ngày 23/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- CCTHADS thị xã B;
- UBND phường Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Văn Khanh